

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN ISO 14026:2019

ISO 14026:2017

Xuất bản lần 1

**NHÃN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG BỐ MÔI TRƯỜNG-
NGUYÊN TẮC, YÊU CẦU VÀ HƯỚNG DẪN
TRAO ĐỔI THÔNG TIN VỀ DẤU VẾT**

*Environmental labels and declarations – Principles, requirements
and guidelines for communication of footprint information*

HÀ NỘI - 2019

Lời nói đầu

TCVN ISO 14026:2019 hoàn toàn tương đương với ISO 14026:2017.

TCVN ISO 14026:2019 do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC 207 *Quản lý môi trường* biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Lời giới thiệu

Tiêu chuẩn này thuộc hệ thống các tiêu chuẩn liên quan đến nhãn môi trường và bản công bố môi trường đối với các sản phẩm. Tiêu chuẩn đưa ra các yêu cầu và hướng dẫn về cách có thể trao đổi thông tin về các khía cạnh môi trường và các tác động môi trường tiềm ẩn của một sản phẩm liên quan đến một lĩnh vực quan tâm cụ thể. Mục đích của tiêu chuẩn này là đảm bảo rằng chỉ cung cấp các thông tin có hiệu lực, dựa trên cơ sở khoa học và có khả năng mua bán mà không cần bất kỳ "hình thức phóng đại" nào.

Việc trao đổi thông tin về dấu vết chỉ nhằm mục đích thúc đẩy việc quảng bá các thông tin đáng tin cậy về sản phẩm mà không gây hiểu lầm.

Việc trao đổi thông tin về dấu vết có tính đến bối cảnh địa phương hoặc vùng miền có liên quan đến khu vực nơi có thể xảy ra các tác động môi trường tiềm ẩn, bao gồm các giai đoạn sản xuất, sử dụng và kết thúc vòng đời.

Tiêu chuẩn này nhằm đảm bảo rằng tất cả các phương thức trao đổi thông tin về dấu vết, dù là phương pháp về định lượng, cũng đều phải tuân theo cùng một nguyên tắc và quy trình.

Tiêu chuẩn này đưa ra các nguyên tắc, yêu cầu và hướng dẫn cho một tổ chức muốn thực hiện việc trao đổi thông tin về dấu vết sản phẩm.

Nhãn môi trường và công bố môi trường – Nguyên tắc, yêu cầu và hướng dẫn để trao đổi thông tin về dấu vết

Environmental labels and declarations – Principles, requirements and guidelines for communication of footprint information

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này đưa ra các nguyên tắc, yêu cầu và hướng dẫn để trao đổi thông tin về dấu vết cho các sản phẩm thuộc các lĩnh vực quan tâm liên quan đến môi trường.

Tiêu chuẩn này cũng đưa ra các yêu cầu và hướng dẫn cho các chương trình trao đổi thông tin về dấu vết, cũng như các yêu cầu về quy trình kiểm tra xác nhận.

Tiêu chuẩn này không đề cập đến việc định lượng dấu vết, cũng không đề cập đến việc trao đổi thông tin về dấu vết không liên quan đến môi trường, ví dụ: dấu vết về các vấn đề xã hội hoặc kinh tế. Ngoài ra, tiêu chuẩn này cũng không đề cập đến việc trao đổi thông tin về dấu vết liên quan đến các khía cạnh kinh tế và xã hội của phát triển bền vững, cũng như các trao đổi thông tin về dấu vết liên quan đến các tổ chức.

2 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau rất cần thiết cho việc áp dụng tiêu chuẩn này. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất, bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung (nếu có).

TCVN ISO 14020 (ISO 14020), *Nhãn môi trường và bản công bố môi trường – Nguyên tắc chung*.

TCVN ISO 14025:2009 (ISO 14025:2006), *Nhãn môi trường và công bố môi trường – Công bố môi trường kiểu III – Nguyên lý và thủ tục*

TCVN ISO/TS 14027 (ISO/TS 14027), *Nhãn môi trường và công bố môi trường – Xây dựng các quy tắc phân loại sản phẩm*.

TCVN ISO 14044:2011 (ISO 14044:2006), *Quản lý môi trường – Đánh giá vòng đời của sản phẩm – Yêu cầu và hướng dẫn*.

TCVN ISO 14026:2018

TCVN ISO 14046 (ISO 14046), *Hệ thống quản lý môi trường – Dấu vết nước – Các nguyên tắc, yêu cầu và hướng dẫn sử dụng.*

TCVN ISO/TS 14071 (ISO/TS 14071), *Quản lý môi trường – Đánh giá vòng đời của sản phẩm – Quá trình xem xét phân biệt và năng lực của người xem xét: Các yêu cầu bổ sung và hướng dẫn đối với TCVN ISO 14044.*

ISO/TS 14067, *Greenhouse gases – Carbon footprint of products – Requirements and guidelines for antification and communication (Khí nhà kính – Dấu vết cacbon của sản phẩm – Các yêu cầu và hướng dẫn để định lượng và trao đổi thông tin).*

TCVN ISO/IEC 17050-1, *Đánh giá sự phù hợp – Công bố của nhà cung ứng về sự phù hợp – Phần 1: Yêu cầu chung.*

3 Thuật ngữ và định nghĩa

Trong tiêu chuẩn này áp dụng các thuật ngữ và định nghĩa sau.

3.1 Thuật ngữ liên quan đến trao đổi thông tin về dấu vết

3.1.1

Trao đổi thông tin về dấu vết (footprint communication)

Kết quả của việc chuẩn bị, cung cấp và phổ biến *dấu vết* (3.2.2), thông tin hỗ trợ và *phản giải thích* (3.1.7).

3.1.2

Trao đổi thông tin về dấu vết so sánh (comparative footprint communication)

Trao đổi thông tin về dấu vết (3.1.1) liên quan đến tính ưu việt hoặc tương đương của một *sản phẩm* (3.3.3) so với sản phẩm khác hoặc một sản phẩm theo thời gian, chỉ về một *lĩnh vực quan tâm* (3.2.1)

3.1.3

Chương trình trao đổi thông tin về dấu vết (footprint communication programme)

Chương trình về xây dựng và sử dụng việc *trao đổi thông tin về dấu vết* (3.1.1) dựa trên bộ các quy tắc hoạt động.

CHÚ THÍCH 1: Chương trình trao đổi thông tin về dấu vết có thể là tự nguyện hoặc bắt buộc, cấp quốc tế, khu vực, quốc gia, địa phương hoặc ngành.

3.1.4

Môđun thông tin về dấu vết (footprint information module)

Việc tổng hợp dữ liệu để sử dụng làm cơ sở cho một *dấu vết* (3.2.2), bao gồm một đơn vị quá trình hoặc một tập hợp của các đơn vị quá trình mà là một phần của *vòng đời* (3.2.3) của một *sản phẩm* (3.3.3).

[NGUỒN: TCVN ISO 14025:2009 (ISO 14025:2006), 3.13, có sửa đổi - Cụm từ "công bố môi trường kiểu III" đã thay thế bằng "dấu vết".]

3.1.5**Báo cáo theo dõi kết quả hoạt động về dấu vết** (footprint performance tracking report)

Báo cáo so sánh *dấu vết* (3.2.2) của một *sản phẩm* (3.3.3) với dấu vết của một sản phẩm gốc hoặc sản phẩm trước đó, hoặc với cùng một sản phẩm theo thời gian, trong đó (các) sản phẩm được đưa ra thị trường bởi cùng một tổ chức và có cùng một *đơn vị chức năng* (3.2.5) hoặc *đơn vị công bố* (3.2.6).

3.1.6**Đồ họa dấu vết** (footprint graphic)

Hình ảnh hoặc chữ tượng hình được sử dụng khi trao đổi thông tin bằng số như một phần của việc *trao đổi thông tin về dấu vết* (3.1.1).

3.1.7**Phần giải thích** (explanatory statement)

Bất kỳ sự giải thích nào cần thiết hoặc được đưa ra giúp cho người mua, người mua tiềm năng hoặc người sử dụng *sản phẩm* (3.3.3) hiểu được đầy đủ về *trao đổi thông tin về dấu vết* (3.1.1).

[NGUỒN: TCVN ISO 14021:2017 (ISO 14021:2016), 3.1.7, có sửa đổi - Cụm từ "công bố môi trường" đã được thay thế bằng "trao đổi thông tin về dấu vết".]

3.2 Thuật ngữ liên quan đến dữ liệu và đánh giá vòng đời**3.2.1****Lĩnh vực quan tâm** (area of concern)

Khía cạnh của môi trường tự nhiên, sức khỏe con người hoặc nguồn tài nguyên liên quan đến xã hội.

VÍ DỤ: Nước, biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học.

3.2.2**Dấu vết** (footprint)

(Các) số liệu được sử dụng để báo cáo kết quả *đánh giá vòng đời* (3.2.4) của một *lĩnh vực quan tâm* (3.2.1).

3.2.3**Vòng đời sản phẩm** (life cycle)

Các giai đoạn liên tiếp và liên quan với nhau của một hệ thống sản phẩm, từ thu thập hoặc tạo ra các nguyên liệu thô từ các nguồn tài nguyên thiên nhiên đến thải bỏ cuối cùng.

[NGUỒN: TCVN ISO 14040:2009 (ISO 14040:2006), 3.1]

TCVN ISO 14026:2018

3.2.4

Đánh giá vòng đời của sản phẩm (life cycle assessment)

LCA

Thu thập và ước lượng đầu vào, đầu ra và các *tác động môi trường* (3.2.10) tiềm ẩn của một hệ thống sản phẩm trong suốt *vòng đời* (3.2.3) của nó.

[NGUỒN: TCVN ISO 14040:2009 (ISO 14040:2006), 3.2]

3.2.5

Đơn vị chức năng (functional unit)

Đặc tính định lượng của một hệ thống sản phẩm để sử dụng như một đơn vị chuẩn.

[NGUỒN: TCVN ISO 14040:2009 (ISO 14040:2006), 3.20]

3.2.6

Đơn vị công bố (declared unit)

Số lượng *sản phẩm* (3.3.3) sử dụng làm đơn vị chuẩn trong *trao đổi thông tin về dấu vết* (3.1.1) dựa trên *đánh giá vòng đời* (3.2.4) để biểu thị thông tin về môi trường trong các *môđun thông tin về dấu vết* (3.1.4).

VÍ DỤ: 1 kg thép thô, 1 m³ dầu thô.

[NGUỒN: ISO 21930:2017, 3.1.11, có sửa đổi - Từ "xây dựng" đã bị xóa trước từ "sản phẩm", thuật ngữ viết tắt "EPD" ("công bố sản phẩm môi trường") đã được thay bằng "trao đổi thông tin về dấu vết", từ "dấu vết" đã được thêm vào "môđun thông tin", đã sửa ví dụ và xóa chú thích.]

3.2.7

Các qui tắc phân loại sản phẩm (product category rules)

PCR

Bộ qui tắc, yêu cầu và các hướng dẫn cụ thể để triển khai việc *trao đổi thông tin về dấu vết* (3.1.1) cho một hoặc nhiều *chủng loại sản phẩm* (3.3.4).

[NGUỒN: TCVN ISO 14025:2009 (ISO 14025:2006), 3.5, có sửa đổi – Cụm từ "công bố về môi trường kiểu III" được thay thế bằng "trao đổi thông tin về dấu vết"].

3.2.8

Trọng số (weighting)

Chuyển đổi và có thể tập hợp các kết quả chỉ thị qua các loại tác động bằng cách sử dụng các yếu tố bằng số dựa trên các giá trị lựa chọn.

[NGUỒN: TCVN ISO 14044:2011 (ISO 14044:2006), 4.4.3.1, điểm c)]

3.2.9

Khía cạnh môi trường (environmental aspect)

Yếu tố của các hoạt động, *sản phẩm* (3.3.3) hoặc dịch vụ của tổ chức có thể tương tác với môi trường.

[NGUỒN: TCVN ISO 14001:2015 (ISO 14001:2015), 3.2.2, có sửa đổi - Cụm từ "tương tác hoặc" đã xóa bỏ trước cụm từ "có thể tương tác" và đã xóa bỏ các chú thích.]

3.2.10

Tác động môi trường (environmental impact)

Bất kỳ thay đổi nào của môi trường, dù có lợi hoặc bất lợi, do một phần hay toàn bộ các *khía cạnh môi trường* (3.2.9) của một tổ chức gây ra.

[NGUỒN: TCVN ISO 14001:2015 (ISO 14001:2015), 3.2.4]

3.3 Thuật ngữ liên quan đến các tổ chức và sản phẩm

3.3.1

Khách hàng (consumer)

Thành viên riêng lẻ của cộng đồng người mua nói chung hoặc sử dụng hàng hóa, tài sản hoặc dịch vụ cho các mục đích cá nhân.

[NGUỒN: TCVN ISO 14025:2009 (ISO 14025:2006), 3.16]

3.3.2

Bên quan tâm (interested party)

Cá nhân hoặc *tổ chức* (3.1.4) có thể gây ảnh hưởng, chịu ảnh hưởng hoặc tự nhận thấy bị ảnh hưởng bởi một quyết định hay hoạt động.

VÍ DỤ: Khách hàng, cộng đồng, người cung ứng, nhà quản lý, các tổ chức phi chính phủ, các nhà đầu tư và người lao động.

CHÚ THÍCH 1: "tự nhận thấy bị ảnh hưởng" nghĩa là đã cảm nhận được ảnh hưởng liên quan đến tổ chức.

[NGUỒN: TCVN ISO 14001:2015 (ISO 14001:2015), 3.1.6]

3.3.3

Sản phẩm (product)

Mọi hàng hóa hoặc dịch vụ bất kỳ.

[NGUỒN: TCVN ISO 14021:2017 (ISO 14021:2016), 3.1.14]

3.3.4

Chủng loại sản phẩm (product category)

Nhóm các *sản phẩm* (3.3.3) có thể thực hiện các chức năng tương đương.

[NGUỒN: TCVN ISO 14025:2009 (ISO 14025:2006), 3.12].

TCVN ISO 14026:2018

3.3.5

Nhà điều hành chương trình trao đổi thông tin về dấu vết (footprint communication programme operator)

Tổ chức thực hiện *chương trình trao đổi thông tin về dấu vết* (3.1.3).

CHÚ THÍCH 1: Một nhà điều hành chương trình *trao đổi thông tin về dấu vết* (3.1.1) có thể là một công ty hoặc một nhóm các công ty, ngành công nghiệp hoặc hiệp hội thương mại, cơ quan hoặc cơ quan có thẩm quyền, hoặc một viện khoa học độc lập hoặc một tổ chức khác. Một tổ chức triển khai việc trao đổi thông tin về dấu vết chỉ liên quan đến các *sản phẩm* (3.3.3) của chính tổ chức đó cũng được coi là nhà điều hành chương trình trao đổi thông tin về dấu vết.

3.4 Thuật ngữ liên quan đến chất lượng dữ liệu và kiểm tra xác nhận

3.4.1

Chất lượng dữ liệu (data quality)

Các đặc tính của dữ liệu liên quan đến khả năng thỏa mãn các yêu cầu đã công bố.

[NGUỒN: TCVN ISO 14040:2009 (ISO 14040:2006), 3.19]

3.4.2

Kiểm tra xác nhận (verification)

Việc xác nhận, thông qua việc cung cấp bằng chứng khách quan, rằng các yêu cầu xác định được thực hiện.

[NGUỒN: TCVN ISO 9000:2015 (ISO 9000:2015), 3.8.12, có sửa đổi - Các chú thích đã xóa.]

3.4.3

Bên kiểm tra xác nhận (verifier)

Người hoặc tổ chức tiến hành *kiểm tra xác nhận* (3.4.2).

CHÚ THÍCH 1: Đối với mục đích của tiêu chuẩn này, người kiểm tra xác nhận cũng là người hoặc tổ chức thực hiện đánh giá *chất lượng dữ liệu* (3.4.1) và các vấn đề khác của một nghiên cứu về *dấu vết* (3.2.2).

[NGUỒN: TCVN ISO 14025:2009 (ISO 14025:2006), 3.8, có sửa đổi - Đã bổ sung chú thích.]

3.4.4

Năng lực (competence)

Khả năng ứng dụng kiến thức và kỹ năng để đạt được kết quả mong muốn.

[NGUỒN: TCVN ISO 9000:2015 (ISO 9000:2015), 3.10.4, có sửa đổi - Các chú thích đã xóa.]

4 Mục tiêu

Mục tiêu chung của nhãn môi trường và công bố môi trường là khuyến khích nhu cầu và cung cấp các sản phẩm ít gây bất lợi cho môi trường thông qua việc trao đổi các thông tin chính xác, không gây hiểu lầm, dựa trên quan điểm vòng đời về các khía cạnh môi trường của sản phẩm, do đó kích thích tiềm năng cải thiện môi trường liên tục theo định hướng thị trường.

Mục tiêu của tiêu chuẩn này là hài hòa việc trao đổi thông tin về dấu vết đối với các lĩnh vực môi trường quan tâm liên quan đến sản phẩm.

Những lợi ích tiềm ẩn là:

- a) Trao đổi thông tin về dấu vết tăng lên sẽ tạo cơ sở cho việc ra quyết định và làm tăng các tác động có lợi cho môi trường hoặc làm giảm các tác động bất lợi cho môi trường từ quá trình tiêu dùng và sản xuất;
- b) Đơn giản hóa quá trình trao đổi thông tin về dấu vết và giảm bớt các rủi ro liên quan đến việc sử dụng sai việc trao đổi thông tin về dấu vết;
- c) Tăng khả năng so sánh và độ tin cậy của các trao đổi thông tin về dấu vết và làm giảm hiểu lầm của các trao đổi thông tin về dấu vết.

5 Nguyên tắc

5.1 Uy tín và độ tin cậy

Trao đổi thông tin về dấu vết truyền tải các thông tin liên quan và đáng tin cậy đối với các lĩnh vực quan tâm. Để quá trình trao đổi thông tin về dấu vết đạt được hiệu quả trong việc cải thiện sự hiểu biết về môi trường đối với các sản phẩm, điều quan trọng là duy trì kỹ thuật tin cậy trong khi khả năng thích ứng, tính thực tế và hiệu quả chi phí được cung cấp đầy đủ.

5.2 Quan điểm vòng đời

Trao đổi thông tin về dấu vết cần xem xét tất cả các giai đoạn có liên quan về vòng đời của sản phẩm bao gồm thu mua nguyên liệu thô, sản xuất, sử dụng và giai đoạn cuối vòng đời.

CHÚ THÍCH 1: Dữ liệu về dấu vết được tạo ra bằng cách áp dụng các nguyên tắc, khuôn khổ, phương pháp luận và thực hành được thiết lập theo TCVN ISO 14025, TCVN ISO/TS 14027, TCVN ISO 14040, TCVN ISO 14044, ISO/TS 14067, TCVN ISO 14046 và các tiêu chuẩn chuyên ngành liên quan cụ thể khác (ví dụ: ISO 21930).

CHÚ THÍCH 2: Điều này được điều chỉnh từ TCVN ISO 14040:2009 (ISO 14040:2006), 4.1.2.

5.3 Tính so sánh

Trao đổi thông tin về dấu vết nhằm để so sánh, dựa trên lĩnh vực quan tâm, cho các sản phẩm trong cùng loại sản phẩm và có cùng đơn vị chức năng hoặc công bố.

CHÚ THÍCH: Khả năng so sánh không tương đồng với trao đổi thông tin về dấu vết so sánh được nêu tại 6.9.

TCVN ISO 14026:2018

5.4 Tính minh bạch

Dấu vết, thông tin hỗ trợ và phần giải thích cho phép tất cả các bên quan tâm truy cập thông tin về nguồn gốc nội dung trao đổi thông tin về dấu vết và cách triển khai và kiểm tra xác nhận. Nội dung này có thể được tổng hợp để bảo vệ các thông tin kinh doanh bí mật.

CHÚ THÍCH: Trao đổi thông tin về dấu vết giữa doanh nghiệp với người tiêu dùng có thể phải tuân theo các yêu cầu minh bạch bổ sung ngoài tiêu chuẩn này. Thông tin bổ sung được nêu tại TCVN ISO 14025:2009 (ISO 14025:2006), Điều 9.

5.5 Tính khu vực

Trao đổi thông tin về dấu vết phải xem xét bối cảnh môi trường địa phương hoặc khu vực có liên quan đến khu vực xảy ra các tác động môi trường tiềm ẩn tương ứng, bao gồm các tác động trong quá trình sản xuất, sử dụng và giai đoạn cuối của vòng đời.

6 Các yêu cầu về trao đổi thông tin

6.1 Mối tương quan với TCVN ISO 14020

Ngoài các nguyên tắc và yêu cầu của tiêu chuẩn này, còn áp dụng các nguyên tắc tại TCVN ISO 14020. Trong trường hợp tiêu chuẩn này đưa ra các yêu cầu cụ thể hơn TCVN ISO 14020, thì áp dụng các yêu cầu cụ thể đó.

6.2 Yêu cầu chung

Trao đổi thông tin về dấu vết phải dựa trên nghiên cứu về dấu vết dựa theo TCVN ISO 14044 và, theo các yêu cầu nêu trong tiêu chuẩn này, PCR được xây dựng theo TCVN ISO/TS 14027. Việc trao đổi thông tin về dấu vết phải:

- a) Chính xác, có thể kiểm tra xác nhận và không gây hiểu lầm;
- b) Có liên quan đến sản phẩm cụ thể và chỉ được sử dụng trong bối cảnh tương ứng hoặc thích hợp;
- c) Cụ thể cho lĩnh vực quan tâm được định lượng;
- d) Không có khả năng dẫn đến giải thích sai;
- e) Nêu rõ các giai đoạn vòng đời trong đó;
- f) Được trình bày dưới dạng mô đun thông tin dấu vết riêng lẻ nếu các hệ thống phụ của hệ thống sản phẩm được báo cáo riêng trong trao đổi thông tin về dấu vết;
- g) Không ngụ ý rằng việc trao đổi thông tin về dấu vết được thừa nhận hoặc được kiểm tra xác nhận bởi một bên thứ ba độc lập khi không thực hiện điều này;
- h) Không, hoặc trực tiếp hoặc ngụ ý, phóng đại tầm quan trọng của lĩnh vực quan tâm mà liên quan đến việc trao đổi thông tin về dấu vết;

- i) Được đánh giá lại và cập nhật khi cần thiết nhằm phản ánh các thay đổi của sản phẩm hoặc công nghệ sản xuất sản phẩm, theo phương pháp LCA hoặc các trường hợp khác có thể làm thay đổi thông tin có trong trao đổi thông tin về dấu vết;
- j) Bao gồm các thông tin định tính hoặc định lượng về độ không đảm bảo của dấu vết sẽ được trao đổi.

6.3 Đối tượng dự kiến

Việc trao đổi thông tin về dấu vết có thể áp dụng để trao đổi thông tin giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp với người tiêu dùng. Khi sử dụng trao đổi thông tin về dấu vết giữa doanh nghiệp với người tiêu dùng, thì tổ chức thực hiện trao đổi thông tin về dấu vết phải:

- a) Đảm bảo rằng dấu vết sẽ công bố rõ ràng nơi có thể truy cập và đọc các thông tin hỗ trợ;
- b) Cung cấp thông tin hỗ trợ và phần giải thích nhằm tạo điều kiện cho người tiêu dùng hiểu các dữ liệu trong trao đổi thông tin về dấu vết, như đã nêu tại 6.5.2:
- c) Công bố thông tin cho phép người tiêu dùng liên hệ với tổ chức từ bất kỳ khu vực nào sản phẩm được bán.

CHÚ THÍCH: Các cách phù hợp để liên hệ với tổ chức có thể bao gồm cả điện thoại hoặc truy cập điện tử khác.

6.4 Xác định lĩnh vực quan tâm

Tên của dấu vết phải:

- a) Phản ánh chính xác lĩnh vực quan tâm;
- b) Được liên kết với phạm vi của nghiên cứu dấu vết hỗ trợ;
- c) Không gây hiểu lầm.

Trong phạm vi mà các mô hình khoa học cho phép, lĩnh vực quan tâm phải được đánh giá toàn diện. Tên của dấu vết sẽ không bao hàm lĩnh vực quan tâm rộng hơn phạm vi nghiên cứu dấu vết hỗ trợ. Trong trường hợp như vậy, sử dụng một tên khác thay thế hoặc một từ hạn định mô tả phạm vi hẹp hơn để tránh giải thích sai.

VÍ DỤ: Một dấu vết về sự suy thoái nước phải tính đến tất cả các loại ô nhiễm nước. Nếu chỉ xem xét việc xả thải các chất gây ra hiện tượng phú dưỡng, thì thuật ngữ "dấu vết nước phú dưỡng" sẽ phù hợp hơn. Thông tin chi tiết được nêu trong TCVN ISO 14046:2016 (ISO 14046:2014), 3.3.1.

Rõ ràng là dấu vết không cung cấp một bộ số liệu môi trường toàn diện của sản phẩm. Trao đổi thông tin về dấu vết sẽ không ngụ ý rằng một sản phẩm là có lợi cho môi trường hoặc lành tính với môi trường. Dấu vết không thể giải quyết các chủ đề như "tác động toàn cầu" hoặc "thân thiện với môi trường" (xem TCVN ISO 14021:2017 (ISO 14021:2016), 5.3).

6.5 Thông tin cần cung cấp

6.5.1 Qui định chung

TCVN ISO 14026:2018

Trao đổi thông tin về dấu vết phải bao gồm dấu vết và thông tin hỗ trợ liên quan cũng như các phần giải thích, khi cần thiết.

Để tất cả các bên quan tâm có thể truy cập được, thông tin dấu vết có thể được ghi trên phần thân chính của sản phẩm hoặc bao bì, hoặc trong các tài liệu hướng dẫn sử dụng, bản mục lục, tài liệu về sản phẩm, bản tin kỹ thuật, quảng cáo, công báo, tiếp thị qua điện thoại hoặc hiển thị tại điểm bán hàng, hoặc đăng trên các trang web.

Dấu vết bao gồm các thông tin sau:

- a) Chỉ dẫn rõ ràng về lĩnh vực quan tâm đã nêu;
- b) Đơn vị chức năng hoặc đơn vị công bố mà trao đổi thông tin về dấu vết đề cập đến;
- c) Xác định các giai đoạn của vòng đời bao gồm trong trao đổi thông tin về dấu vết;
- d) Chỉ dẫn rõ ràng (ví dụ: liên kết đến trang web hoặc mã QR) về cách truy cập thông tin hỗ trợ có thể đăng trên trang web, tại điểm bán hoặc bất kỳ phương tiện trao đổi thông tin công khai nào khác.

Các thông tin nêu từ a) đến d) tạo thành một phần của dấu vết và được trình bày theo cách để chỉ rõ rằng nó được đọc cùng với số liệu dấu vết. Các thông tin có kích thước hợp lý và trong khoảng cách phù hợp với dữ liệu.

Các từ, số hoặc các hình ảnh dùng cho các mục đích khác sẽ phải chú ý, không được sử dụng theo cách mà có khả năng gây hiểu nhầm là một phần của trao đổi thông tin về dấu vết đó.

Đối với báo cáo theo dõi kết quả hoạt động dấu vết thì trao đổi thông tin về dấu vết phải cung cấp định lượng về sự khác biệt giữa sản phẩm đang nghiên cứu và sản phẩm cơ sở.

Trong trường hợp trao đổi thông tin về dấu vết có khả năng bị hiểu lầm, thì phải có kèm theo phần giải thích.

6.5.2 Thông tin hỗ trợ

Trao đổi thông tin về dấu vết phải cung cấp, ví dụ như thông tin hỗ trợ, báo cáo nghiên cứu dấu vết tương đương như báo cáo của bên thứ ba theo TCVN ISO 14044:2011 (ISO 14044:2006), 5.2. Trao đổi này được cung cấp theo yêu cầu hoặc cung cấp dưới dạng điện tử có thể truy cập công khai. Các thông tin hỗ trợ cũng phải gồm:

- a) Thông tin về các lần đã thực hiện việc kiểm tra xác nhận sự phù hợp với tiêu chuẩn này;
- b) Định nghĩa của thang đánh giá và mã màu hoặc mã bằng chữ, nếu sử dụng;
- c) Nhận dạng của nhà điều hành chương trình trao đổi thông tin về dấu vết;
- d) Ngày công bố và hết hạn (hiệu lực);
- e) Các kịch bản bổ sung cho giai đoạn sử dụng và giai đoạn kết thúc vòng đời, nếu có;

- f) Công bố rằng dấu vết là một trong các chỉ thị môi trường và nó không phản ánh tổng thể tính thông dụng môi trường;
- g) Xác định bất kỳ giai đoạn vòng đời nào mà trao đổi thông tin về dấu vết không đề cập đến;
- h) Sử dụng PCR chuẩn, trong đó PCR là yêu cầu theo qui định của tiêu chuẩn này;
- i) Trong trường hợp có các báo cáo theo dõi kết quả hoạt động (xem 6.9.5), cần có bản mô tả về tình trạng và các sản phẩm cơ sở.

Thông tin nêu từ a) đến i) sẽ dễ dàng truy cập và miễn phí. Tất cả thông tin hỗ trợ sẽ được truy cập bằng cách in, điện tử hoặc phương tiện khác, tại điểm bán hoặc qua liên kết web hoặc qua kênh liên lạc tương tự.

6.5.3 Sử dụng phân giải thích

Khi cần thiết phải có phân giải thích tại điểm bán hàng để đảm bảo rằng ý nghĩa của dấu vết không bị hiểu nhầm bởi đối tượng dự kiến.

Khi sử dụng trọng số hoặc nhóm, thì tại điểm bán phải luôn luôn cung cấp phân giải thích nhằm đảm bảo rằng ý nghĩa của dấu vết được hiểu đúng bởi đối tượng dự kiến.

CHÚ THÍCH: Một phân giải thích như vậy có thể ngắn gọn và giới thiệu cho người mua về các thông tin hỗ trợ.

6.6 Đồ họa dấu vết

Khi thực hiện trao đổi thông tin về dấu vết, việc sử dụng đồ họa là tùy chọn. Áp dụng các yêu cầu sau khi sử dụng đồ họa trong trao đổi thông tin về dấu vết:

- a) Các từ và số được sử dụng cùng với đồ họa để trao đổi thông tin về dấu vết;
- b) Sử dụng các từ và số cho đồ họa dấu vết phải được trình bày theo cách để chỉ rõ rằng thông tin phải được đọc cùng;
- c) Các từ và số sử dụng cho đồ họa dấu vết phải dễ đọc và ở cạnh hình ảnh;
- d) Đồ họa dấu vết không được sửa đổi để liên kết hình ảnh cho một thương hiệu, công ty hoặc vị trí công ty cụ thể;
- e) Các số được sử dụng như một phần của đồ họa dấu vết phải thể hiện các giá trị quan trọng;
- f) Nếu sử dụng kích thước hình ảnh để biểu thị giá trị của dấu vết, thì nó phải được định cỡ theo tỷ lệ tuyến tính từ cơ số 0;
- g) Đồ họa dấu vết không được sử dụng biểu tượng hoặc thiết kế để truyền tải bản chất của lĩnh vực quan tâm nếu bị hiểu sai là liên quan đến một lĩnh vực quan tâm khác. Trong trường hợp có khả năng hiểu sai, thì phải kèm theo phân giải thích để mô tả lĩnh vực quan tâm.

Khi sử dụng đồ họa trong trao đổi thông tin về dấu vết thì:

TCVN ISO 14026:2018

- Chúng phải đơn giản, dễ tái tạo và có khả năng định vị và định cỡ phù hợp với sản phẩm mà khi sử dụng hình ảnh đó vẫn giữ được sự rõ ràng và dễ đọc;
- Phải dễ dàng phân biệt chúng với đồ họa khác sử dụng cho các mục đích khác.

Đồ họa đã sử dụng cho một loại trao đổi thông tin về dấu vết thì phải dễ dàng phân biệt với đồ họa dùng cho các trao đổi thông tin về dấu vết khác.

6.7 Trao đổi thông tin cho nhiều dấu vết (hơn một dấu vết)

6.7.1 Qui định chung

Khi các dấu vết đề cập đến các lĩnh vực quan tâm khác nhau (ví dụ: đối với cacbon và nước) được trao đổi thông tin cho cùng một sản phẩm, thì từng trao đổi thông tin về dấu vết phải phù hợp riêng với các yêu cầu của tiêu chuẩn này.

6.7.2 Đồ họa

Khi một đồ họa được sử dụng cho các dấu vết khác nhau trên cùng một sản phẩm, thì nó phải không truyền đạt ấn tượng rằng dấu vết này quan trọng hơn dấu vết khác.

6.8 Truy cập thông tin

Chỉ thực hiện trao đổi thông tin về dấu vết khi thông tin hỗ trợ được truy cập miễn phí, phù hợp với 6.5.2.

Không sử dụng tính bảo mật thông tin doanh nghiệp làm lý do để ngăn chặn việc cung cấp thông tin qui định tại 7.3.

6.9 Trao đổi thông tin về dấu vết so sánh

6.9.1 Các loại trao đổi thông tin về dấu vết so sánh

Theo tiêu chuẩn này, một tổ chức có thể thực hiện trao đổi thông tin về dấu vết dựa trên sự so sánh dấu vết của một hoặc cả hai điều sau đây:

- a) Sản phẩm của tổ chức khác;
- b) Sản phẩm của chính tổ chức đó, có thể là:
 - 1) Sản phẩm trước đó của chính tổ chức trong báo cáo theo dõi kết quả hoạt động dấu vết, hoặc
 - 2) Cùng một sản phẩm của tổ chức theo thời gian, hoặc
 - 3) Sản phẩm của một tổ chức khác.

6.9.2 Yêu cầu đối với tất cả các loại trao đổi thông tin về dấu vết so sánh

Các trao đổi thông tin về dấu vết loại so sánh, hoặc công bố rằng đã có cải tiến thì phải được phân biệt rõ với các loại trao đổi thông tin về dấu vết khác và không được gây hiểu lầm.

Đối với loại trao đổi thông tin về dấu vết so sánh, tại điểm bán hàng phải có:

- a) Thông tin định lượng, và

b) Phân giải thích.

Chỉ sử dụng trao đổi thông tin về dấu vết so sánh của các sản phẩm khi các dấu vết sử dụng trong so sánh có xem xét tất cả các giai đoạn có liên quan của vòng đời. Sử dụng các giai đoạn vòng đời giống nhau cho tất cả các sản phẩm trong quá trình so sánh và chỉ bỏ qua một giai đoạn vòng đời không so sánh nếu các tác động liên quan đến giai đoạn đó có thể được chứng minh là không đáng kể đối với loại sản phẩm đó.

Việc so sánh chỉ được thực hiện giữa các sản phẩm có cùng đơn vị chức năng, được cung cấp bởi cùng một tổ chức hoặc tổ chức khác và hiện nay hoặc gần đây có sẵn trên cùng một thị trường.

Chỉ so sánh dấu vết của các sản phẩm khác nhau trong trao đổi thông tin về dấu vết nếu việc tính toán dấu vết cho các sản phẩm được so sánh tuân theo cùng các quy tắc về định lượng và trao đổi thông tin về dấu vết và nếu phù hợp với nguyên tắc so sánh qui định tại 5.3. Các dấu vết được xây dựng trong các chương trình khác nhau sẽ không tạo thành cơ sở của trao đổi thông tin về dấu vết so sánh.

6.9.3 So sánh với các sản phẩm của các tổ chức khác

Chỉ thực hiện trao đổi thông tin về dấu vết so sánh liên quan đến một tổ chức khác nếu có một trong những điều sau đây:

- a) Một nghiên cứu dấu vết so sánh cơ bản đã qua xem xét phản biện phù hợp theo TCVN ISO/TS 14071 và bao gồm dấu vết của tất cả các sản phẩm sẽ so sánh;
- b) Dấu vết của các sản phẩm đã được xác định bởi các nghiên cứu dấu vết khác nhau đã qua xem xét phản biện phù hợp theo các yêu cầu của cùng một chương trình trao đổi thông tin về dấu vết và theo cùng một PCR được xây dựng theo TCVN ISO/TS 14027, với điều kiện là các dấu vết được so sánh dựa trên các dữ liệu nhất quán từ các nguồn như cơ sở dữ liệu hoặc tài liệu xuất bản.

CHÚ THÍCH: Việc so sánh với dấu vết thuộc sản phẩm của đối thủ cạnh tranh có thể không được chấp nhận ở một số quốc gia vì những lý do nằm ngoài phạm vi của tiêu chuẩn này.

6.9.4 Trao đổi thông tin về dấu vết với đề xuất tốt hơn tổng thể

Dấu vết đề cập đến một khu vực cụ thể đang quan tâm. Như vậy, nó không bao gồm hiệu suất môi trường tổng thể và không thể tạo thành cơ sở của một đánh giá so sánh như định nghĩa trong TCVN ISO 14044:2011 (ISO 14044:2006), 3.6. Trao đổi thông tin về dấu vết so sánh sẽ không được coi là một đánh giá so sánh như định nghĩa trong TCVN ISO 14044:2011 (ISO 14044:2006), 3.6.

VÍ DỤ: Theo tiêu chuẩn này trao đổi thông tin về dấu vết so sánh có thể là: "Dấu vết cacbon của Sản phẩm A cao hơn 10 % so với dấu vết cacbon của Sản phẩm B". Công bố rằng "từ quan điểm môi trường Sản phẩm A là tốt hơn Sản phẩm B" có thể là một đánh giá so sánh, và nằm ngoài phạm vi của tiêu chuẩn này.

6.9.5 Theo dõi kết quả hoạt động

Trao đổi thông tin về dấu vết so sánh có thể ở dạng báo cáo theo dõi kết quả hoạt động dấu vết, cho phép so sánh dấu vết theo thời gian của một sản phẩm cụ thể của cùng một tổ chức với các dấu vết

TCVN ISO 14026:2018

ban đầu hoặc trước đó.

Khi một tổ chức có ý định trao đổi thông tin về báo cáo theo dõi kết quả hoạt động dấu vết, thì phải xác định những thành phần quan trọng đóng góp vào sự thay đổi dấu vết.

CHÚ THÍCH: Nếu theo dõi kết quả hoạt động dấu vết dựa trên cùng các lựa chọn về phương pháp theo thời gian, thì việc sử dụng PCR là tùy chọn.

Có thể thực hiện việc trao đổi thông tin về theo dõi kết quả hoạt động dấu vết, khi có thay đổi dấu vết, ví dụ, do:

- a) Các cải tiến được thực hiện bởi tổ chức báo cáo;
- b) Lựa chọn các nhà cung cấp khác;
- c) Cải tiến có chủ ý và có thể kiểm tra xác nhận, do các nhà cung cấp thực hiện;
- d) Các cải tiến trong giai đoạn sử dụng và trong giai đoạn kết thúc vòng đời được thực hiện nhờ thiết kế sản phẩm được cải tiến hoặc quy trình kết thúc vòng đời được cải tiến;
- e) Thay đổi do cải tiến quy trình, ví dụ: áp dụng không-canh tác hoặc ít-canh tác trong sản xuất nông nghiệp.

Các dữ liệu làm cơ sở cho báo cáo theo dõi kết quả hoạt động dấu vết phải được kiểm tra xác nhận.

7 Yêu cầu đối với việc sử dụng dữ liệu để hỗ trợ trao đổi thông tin

7.1 Các kết quả dấu vết có thể chấp nhận

Trao đổi thông tin về dấu vết phải dựa trên nghiên cứu dấu vết được thực hiện theo các tiêu chuẩn áp dụng (ví dụ: TCVN ISO 14044, TCVN ISO 14046, ISO/TS 14067, TCVN ISO/TS 14027) và trong đó sử dụng PCR.

Các phương pháp sử dụng phải phù hợp với dấu vết và cung cấp thông tin có liên quan và cần thiết để hỗ trợ trao đổi thông tin về dấu vết.

CHÚ THÍCH: ISO/TS 14067 và TCVN ISO 14046 là các ví dụ về các phương pháp có thể chấp nhận để thu thập thông tin nhằm hỗ trợ trao đổi thông tin về dấu vết.

Dữ liệu hỗ trợ cho việc trao đổi thông tin về dấu vết phải được kiểm tra như một phần của cuộc xem xét phản biện của nghiên cứu dấu vết cơ bản hoặc là một phần của quá trình kiểm tra xác nhận, như được mô tả trong Điều 9, nếu thích hợp.

Sự phát triển về khoa học có thể dẫn đến các phương pháp luận mới được công nhận và chấp nhận. Nên áp dụng các phương pháp mới như vậy thay cho những phương pháp đã lỗi thời.

7.2 Đảm bảo chất lượng dữ liệu

Việc trao đổi thông tin về dấu vết phải chứng minh rằng nghiên cứu dấu vết cơ bản là phù hợp, đáp ứng các yêu cầu về chất lượng dữ liệu trong TCVN ISO 14044 và, khi áp dụng, ISO/TS 14067 hoặc TCVN ISO 14046. Các yêu cầu bổ sung về chất lượng dữ liệu cũng phải phù hợp như qui định trong PCR.

7.3 Các nguyên tắc bảo mật dữ liệu

Dữ liệu của một sản phẩm cụ thể thường được bảo mật do:

- a) Các yêu cầu cạnh tranh trong kinh doanh;
- b) Thông tin độc quyền được bảo vệ bởi quyền sở hữu trí tuệ;
- c) Các hạn chế mang tính pháp lý tương tự.

Các dữ liệu kinh doanh được xác định là bí mật, thì khi cung cấp cho quy trình kiểm tra xác nhận độc lập phải được giữ bí mật.

7.4 Các dữ liệu sử dụng trong trao đổi thông tin về dấu vết so sánh

7.4.1 Qui định chung

Dữ liệu được sử dụng trong trao đổi thông tin về dấu vết so sánh phải được định lượng và tính toán, sử dụng cùng một đơn vị chức năng, cùng đơn vị đo lường và cùng một phương pháp mô tả.

Trao đổi thông tin về dấu vết so sánh, ngoại trừ các báo cáo theo dõi kết quả hoạt động, sẽ chỉ áp dụng cho các hệ thống sản phẩm bao gồm toàn bộ vòng đời và không áp dụng cho các mô-đun thông tin về dấu vết.

7.4.2 PCR đối với trao đổi thông tin về dấu vết so sánh

Khi sử dụng PCR cho việc trao đổi thông tin về dấu vết so sánh, thì PCR cho (các) nghiên cứu về dấu vết phải có các đặc điểm sau:

- a) Đơn vị chức năng là giống hệt nhau;
- b) Ranh giới hệ thống là tương đương;
- c) Mô tả dữ liệu là tương đương;
- d) Các tiêu chí đối với đầu vào và đầu ra là giống hệt nhau;
- e) Các yêu cầu chất lượng dữ liệu, bao gồm độ phủ, độ chính xác, tính đầy đủ, tính đại diện, tính nhất quán và độ tái lập là như nhau;
- f) Đơn vị áp dụng cho kiểm kê vòng đời là giống hệt nhau;
- g) Các phương pháp tính toán là giống hệt nhau;
- h) Các quy tắc phân bổ là tương đương;
- i) Các loại tác động lựa chọn và các yếu tố đặc trưng là giống hệt nhau;
- j) Các hướng dẫn về nội dung và biểu mẫu của việc trao đổi thông tin về dấu vết là tương đương.

8 Các yêu cầu của chương trình trao đổi thông tin về dấu vết

8.1 Phạm vi của chương trình

Chương trình trao đổi thông tin về dấu vết phải có phạm vi rõ ràng và xác định xem chương trình có bị giới hạn không, ví dụ, đối với một khu vực địa lý nhất định hoặc đối với một số ngành công nghiệp

TCVN ISO 14026:2018

nhất định, các sản phẩm hoặc nhóm các sản phẩm hoặc với các mô-đun thông tin về dấu vết nhất định. Thông tin này phải đảm bảo minh bạch và được truyền đạt.

Một chương trình trao đổi thông tin về dấu vết có thể bao gồm nhiều dấu vết.

Chương trình trao đổi thông tin về dấu vết không được ngụ ý rằng đó là chương trình ghi nhãn kiểu I, như nêu trong TCVN ISO 14024 hoặc chương trình công bố kiểu III, như trong TCVN ISO 14025.

CHÚ THÍCH: Phụ lục A tóm tắt trách nhiệm của nhà điều hành chương trình trao đổi thông tin về dấu vết.

8.2 Sử dụng PCR

Đối với mỗi loại sản phẩm, nhà điều hành chương trình trao đổi thông tin về dấu vết phải duy trì một bộ PCR, xây dựng theo TCVN ISO/TS 14027, và cũng phải phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn này.

Yêu cầu phải có PCR cho từng chương trình trao đổi thông tin về dấu vết và phải áp dụng cho tất cả các nhà điều hành chương trình trao đổi thông tin về dấu vết, bao gồm tổ chức chỉ triển khai việc trao đổi thông tin về dấu vết liên quan đến các sản phẩm của chính tổ chức đó, nhưng lại là tùy chọn cho tổ chức triển khai báo cáo theo dõi kết quả hoạt động dấu vết đáp ứng các điều kiện qui định tại 6.9.5.

8.3 Quy tắc của chương trình trao đổi thông tin về dấu vết

8.3.1 Hướng dẫn chương trình

Hướng dẫn chung cho chương trình trao đổi thông tin về dấu vết phải được xây dựng theo TCVN ISO 14025:2009 (ISO 14025:2006), 6.4. Một chương trình trao đổi thông tin về dấu vết phải là truy cập được đối với tất cả các tổ chức quan tâm đến việc xây dựng PCR hoặc trao đổi thông tin về dấu vết trong phạm vi xác định. Sau khi xây dựng xong PCR cho các loại sản phẩm xác định, thì phải công bố chúng (xem TCVN ISO/TS 14027).

Nhà điều hành chương trình trao đổi thông tin về dấu vết phải có được bằng chứng bằng văn bản về sự phù hợp của bên nộp đơn với các yêu cầu của chương trình. Nhà điều hành chương trình trao đổi thông tin về dấu vết phải có trách nhiệm đảm bảo rằng thông tin đã được kiểm tra xác nhận.

8.3.2 Công bố về sự phù hợp

Nếu chương trình cho phép sử dụng công bố về sự phù hợp với các yêu cầu của một chương trình nhất định của bên nộp đơn, thì việc công bố sự phù hợp phải tuân theo các yêu cầu quy định tại TCVN ISO/IEC 17050-1.

8.3.3 Giám sát trao đổi thông tin về dấu vết

Sau khi trao đổi thông tin về dấu vết được công bố, các tổ chức tham gia chương trình trao đổi thông tin về dấu vết phải thông báo cho nhà điều hành chương trình về bất kỳ sự thay đổi nào mà có thể ảnh hưởng đến sự phù hợp liên tục của việc trao đổi thông tin về dấu vết so với các yêu cầu của chương trình này.

Nhà điều hành chương trình trao đổi thông tin về dấu vết phải đảm bảo rằng mọi thay đổi đều được ghi chép tổng hợp trong sản phẩm hoặc quy trình sản xuất sản phẩm đó, mọi thay đổi mà có khả năng ảnh hưởng đến sự phù hợp đều được xem xét và phải yêu cầu tổ chức sử dụng trao đổi thông tin về dấu vết tiến hành hành động khắc phục nếu sự phù hợp không được duy trì.

Trách nhiệm của nhà điều hành chương trình trao đổi thông tin về dấu vết là đảm bảo rằng các tổ chức tham gia vào chương trình trao đổi thông tin về dấu vết đều duy trì sự phù hợp theo các hướng dẫn chương trình chung.

8.4 Trách nhiệm trao đổi thông tin của nhà điều hành chương trình trao đổi thông tin về dấu vết

Nhà điều hành chương trình trao đổi thông tin về dấu vết phải truyền đạt các hướng dẫn chung của chương trình mô tả các hoạt động của chương trình. Thông tin này sẽ có sẵn trên mạng internet hoặc bất kỳ phương thức trao đổi thông tin nào khác, nhằm cho phép người mua sản phẩm truy cập được bằng cách sử dụng trao đổi thông tin về dấu vết.

Các hướng dẫn chung về chương trình phải đưa ra một chính sách chi tiết và rõ ràng về việc sử dụng đúng cách quá trình trao đổi thông tin về dấu vết. Bất kỳ sai lệch nào từ chính sách này sẽ dẫn đến hành động khắc phục thích hợp và có thể hủy bỏ việc trao đổi thông tin về dấu vết.

8.5 Xây dựng các yêu cầu về chất lượng dữ liệu

Nhà điều hành chương trình trao đổi thông tin về dấu vết phải xây dựng, thiết lập các yêu cầu đối với chất lượng dữ liệu của chương trình, có tính đến việc cần phải giảm độ lệch và độ không đảm bảo và để sử dụng các dữ liệu có chất lượng tốt nhất hiện có. Chất lượng dữ liệu phải được đặc trưng bởi các khía cạnh định lượng và định tính và các nguồn dữ liệu phải được xác định trong các yêu cầu này.

Nhà điều hành chương trình trao đổi thông tin về dấu vết phải thiết lập quy trình thích hợp để đảm bảo việc trao đổi thông tin về dấu vết là phù hợp với tất cả các yêu cầu của hướng dẫn chương trình chung. Quy trình này sẽ bao gồm các qui định về khuôn khổ và nội dung của các báo cáo để đánh giá chất lượng các dữ liệu cũng như việc truy cập các quy tắc và kết quả kiểm tra xác nhận.

Dựa trên báo cáo kiểm tra xác nhận, nếu nhà điều hành chương trình trao đổi thông tin về dấu vết xác định rằng các dữ liệu hỗ trợ trao đổi thông tin về dấu vết là không đầy đủ, thì việc trao đổi thông tin về dấu vết sẽ không được công bố theo chương trình.

9 Các yêu cầu về kiểm tra xác nhận

9.1 Kiểm tra xác nhận trao đổi thông tin về dấu vết

Nhà điều hành chương trình trao đổi thông tin về dấu vết phải thiết lập quy trình kiểm tra xác nhận phù hợp để xác định các dấu vết, thông tin hỗ trợ và phân giải thích sẽ được truyền đạt là:

- a) Phù hợp với các yêu cầu liên quan của các Điều 6 và 7;
- b) Phù hợp với báo cáo nghiên cứu dấu vết hoặc báo cáo theo dõi kết quả hoạt động dấu vết.

TCVN ISO 14026:2018

Trong trường hợp trao đổi thông tin về dấu vết so sánh không phải là báo cáo theo dõi kết quả hoạt động dấu vết, như đã nêu tại 6.9.5 thì nghiên cứu dấu vết cơ bản sẽ phải trải qua xem xét phản biện theo TCVN ISO/TS 14071.

9.2 Năng lực của bên kiểm tra xác nhận trao đổi thông tin về dấu vết

Năng lực của bên kiểm tra xác nhận bao gồm:

- a) Kiến thức về ngành liên quan, các khía cạnh môi trường của sản phẩm, và sản phẩm liên quan;
- b) Quy trình và kiến thức về sản phẩm của loại sản phẩm đó;
- c) Chuyên môn về LCA và phương pháp luận đối với hoạt động của LCA theo TCVN ISO 14040;
- d) Kiến thức về các tiêu chuẩn có liên quan trong các lĩnh vực về nhân môi trường và bản công bố môi trường và LCA;
- e) Kiến thức về khung pháp lý trong đó các yêu cầu về trao đổi thông tin về dấu vết đã được xây dựng;
- f) Kiến thức về các tiêu chuẩn liên quan về định lượng dấu vết, ví dụ: TCVN ISO 14046, ISO/TS 14067;
- g) Kiến thức về chương trình trao đổi thông tin về dấu vết (nếu áp dụng);
- h) Kiến thức và kỹ năng áp dụng các phương pháp kiểm tra xác nhận để có được bằng chứng khách quan để đưa ra quyết định xác nhận.

Khi có một người không thể đáp ứng các tiêu chí về năng lực này, họ có thể được chia sẻ để đảm bảo rằng tất cả các yêu cầu về năng lực đều được đáp ứng phù hợp.

Trong một chương trình, việc lựa chọn người có đủ năng lực để thực hiện kiểm tra xác nhận trao đổi thông tin về dấu vết là trách nhiệm của nhà điều hành.

9.3 Khả năng độc lập của bên kiểm tra xác nhận

Bên kiểm tra xác nhận, cho dù bên trong hoặc bên ngoài của tổ chức thực hiện trao đổi thông tin về dấu vết, sẽ không được tham gia vào việc thực hiện nghiên cứu LCA cơ bản hoặc xây dựng chương trình trao đổi thông tin về dấu vết. Bên kiểm tra xác nhận độc lập phải có khả năng chứng minh tính khách quan của họ và sẽ không có xung đột về lợi ích.

Trước từng lần kiểm tra xác nhận, bên kiểm tra xác nhận phải hoàn thành và ký một bản tự tuyên bố về tính độc lập và năng lực của họ và sẵn có cho nhà điều hành chương trình.

CHÚ THÍCH: Ví dụ về biểu mẫu bản tự tuyên bố như vậy được nêu tại TCVN ISO/TS 14071:2015 (ISO/TS 14071:2014), Phụ lục B.

Bên kiểm tra xác nhận phải thông báo ngay cho người điều hành chương trình nếu trạng thái độc lập của họ có thay đổi trong quá trình kiểm tra xác nhận. Người điều hành chương trình phải thay đổi bên kiểm tra xác nhận nếu người này không thể đáp ứng các yêu cầu của điều này.

Phụ lục A

(Tham khảo)

Trách nhiệm của nhà điều hành chương trình trao đổi thông tin về dấu vết

Danh mục nêu trong phụ lục này nhấn mạnh các trách nhiệm chính của nhà điều hành chương trình, như đã định nghĩa trong tiêu chuẩn này. Danh mục này là chỉ dẫn và có thể sử dụng để xây dựng một danh mục kiểm tra, như một tài liệu tham khảo hoặc cho các mục đích khác.

Nhà điều hành chương trình trao đổi thông tin về dấu vết có thể là một công ty hoặc một nhóm các công ty, ngành công nghiệp hoặc hiệp hội thương mại, các cơ quan có thẩm quyền hoặc các hãng, hoặc một cơ quan khoa học độc lập hoặc một tổ chức khác. Một tổ chức xây dựng triển khai việc trao đổi thông tin về dấu vết chỉ liên quan đến các sản phẩm của chính họ cũng được coi là nhà điều hành chương trình trao đổi thông tin về dấu vết.

Trách nhiệm của nhà điều hành chương trình bao gồm:

- Xác định phạm vi của chương trình (xem 8.1);
- Thiết lập các chủng loại sản phẩm (xem 8.2);
- Đảm bảo rằng tên của chương trình trao đổi thông tin về dấu vết chỉ rõ lĩnh vực quan tâm (xem 6.4);
- Xây dựng, công bố và duy trì các hướng dẫn chung cho chương trình (xem 8.3.1);
- Xây dựng các quy trình quản lý dữ liệu để hỗ trợ việc trao đổi thông tin về dấu vết (xem 7.2);
- Đảm bảo rằng các phương pháp tính toán sử dụng là phù hợp với dấu vết (xem 7.1);
- Đảm bảo rằng tất cả thông tin được kiểm tra xác nhận (xem 8.3.1);
- Đảm bảo rằng thông tin là liên quan và đủ để hỗ trợ cho việc trao đổi thông tin về dấu vết (xem 7.1);
- Đảm bảo việc trao đổi thông tin về dấu vết so sánh thỏa mãn các yêu cầu của tiêu chuẩn này (xem 6.9.2);
- Đảm bảo rằng thông tin hỗ trợ có sẵn tại một địa điểm công khai miễn phí (xem 6.5.2);
- Xây dựng quy trình quản lý bảo mật dữ liệu (xem 7.3);
- Xây dựng quy trình quản lý chất lượng dữ liệu (xem 8.5);
- Có chính sách chi tiết và rõ ràng về việc sử dụng đúng cách trao đổi thông tin về dấu vết (xem 8.4);
- Thiết lập các thủ tục để kiểm tra xác nhận việc trao đổi thông tin về dấu vết (xem 9.1);
- Đảm bảo rằng tất cả những người thực hiện kiểm tra xác nhận có đủ năng lực theo qui định (xem 9.2);
- Xác định rằng báo cáo dữ liệu là đủ để cho phép công bố (xem 8.5);
- Đảm bảo rằng mọi thay đổi trong sản phẩm hoặc quy trình sản xuất sản phẩm mà có khả năng ảnh hưởng đến sự phù hợp đều được xem xét (xem 8.3.3);
- Đảm bảo rằng các tổ chức tham gia chương trình trao đổi thông tin về dấu vết đều duy trì sự phù hợp với các hướng dẫn chung của chương trình (xem 8.3.3).

Thư mục tài liệu tham khảo

- [1] TCVN ISO 9000:2015 (ISO 9000:2015), Hệ thống quản lý chất lượng – Cơ sở và từ vựng.
 - [2] TCVN ISO 14001:2015 (ISO 14001:2015), Hệ thống quản lý môi trường – Các yêu cầu và hướng dẫn sử dụng.
 - [3] TCVN ISO 14021:2017 (ISO 14021:2016), Nhãn môi trường và công bố về môi trường – Tự công bố về môi trường (Ghi nhãn môi trường kiểu II).
 - [4] TCVN ISO 14024 (ISO 14024), Nhãn môi trường và công bố môi trường – Ghi nhãn môi trường kiểu I – Nguyên tắc và thủ tục.
 - [5] TCVN ISO 14040:2009 (ISO 14040:2006), Quản lý môi trường – Đánh giá vòng đời của sản phẩm – Nguyên tắc và khuôn khổ.
 - [6] ISO 21930:2017, Sustainability in buildings and civil engineering works — Core rules for environmental product declarations of construction products and services.
-